Đơn vị: SỞ TÀI CHÍNH
Chương: 418

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 18 /QĐ-STC ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài chính)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	**10.518**	**10.518**	**100**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**10.518**	**10.518**	**100**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**10.256**	**10.256**	**100**	
1.1	**Dự toán chi ngân sách nhà nước giao tự chủ**	**7.201**	**7.201**	**100**	
	- Chi con người	6.367	6.367	100	
	- Chi công việc	834	834	100	
1.2	**Dự toán chi ngân sách nhà nước không giao tự chủ**	**3.055**	**3.055**	**100**	
	- Kinh phí làm việc với các Bộ, ngành TW	360	360	100	
	- Kinh phí hoạt động thanh tra tài chính	214	214	100	
	- Kinh phí phục vụ công tác báo cáo giá thị trường, báo cáo tài sản, cơ sở dữ liệu về giá	182	182	100	
	- Kinh phí hoạt động của hệ thống Tabmis, truyền thông và các hoạt động khác về công nghệ thông tin	452	452	100	
	- Kinh phí kiểm tra, thực hiện chế độ, chính sách các cơ quan, đơn vị, tổng hợp quyết toán NSNN	315	315	100	
	- Kinh phí hoạt động Hội đồng thẩm định giá đất	424	424	100	
	- Kinh phí hoạt động tổ mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung	144	144	100	
	- Chuyên mục tài chính	215	215	100	
	- Kinh phí xây dựng Nghị quyết	139	139	100	
	- Kinh phí triển khai NĐ 60/2021/NĐ-CP và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần	90	90	100	
	- Kinh phí giám sát MTQG PTKT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nông thôn mới, giảm nghèo bền vững	153	153	100	
	- Chi con người (Hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP)	222	222	100	
	- Mua sắm tài sản (03 bộ máy vi tính để bàn, 02 tủ làm việc), sửa chữa hành lang, xe ô tô	145	145	100	
2	**Chi sự nghiệp khác:**	**262**	**262**	**100**	
	- Phục vụ công tác thẩm định giá đất cụ thể các dự án	100	100	100	
	- Hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	162	162	100	